

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:181c/2022/QĐ-ST ngày 14/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh ngày 01/10/1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn Đ, sinh ngày 24/6/1991 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh Đ tại Việt Nam: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Đ được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Đ làm dâu và chung sống hòa

thuận với gia đình nhà chồng. Sau khi sinh con được khoảng 1 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai anh, chị về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Tháng 01/2015 chị đi lao động tại Đài Loan. Kể từ thời điểm chị sang Đài Loan lao động, chị và anh Đ không còn liên lạc gì với nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Tháng 4/2022 chị về nước sinh sống, tháng 4/2022 anh Đ cũng đi lao động tại Singapore mà không thông báo hay bàn bạc gì với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đào Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Đào Thị Ngọc A, sinh ngày 14/3/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đào Văn Đ là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 07/11/2022 và ngày 17/11/2022, ông Đào Văn Đ là bố đẻ anh Đào Văn Đ cung cấp anh Đ hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Singapore. Về hôn nhân của anh Đ, chị N ông cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị N về nhà ông làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh Đ đi lao động tại Singapore, sau khi anh Đ sang Singapore một thời gian thì thấy anh Đ nói vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì ông không rõ, ông có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng không được. Anh, chị 01 con chung là cháu Đào Thị Ngọc A, sinh ngày 14/3/2015. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị N. Tài sản chung của anh, chị không có. Ông Động cho biết anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh Đ không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Singapore.

Cháu Đào Thị Ngọc A trình bày: Cháu là con của bố Đào Văn Đ, mẹ Hồ Thị N. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng mẹ cháu và ông bà ngoại, được mẹ và ông bà ngoại chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần vì vậy nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở cùng mẹ và ông bà ngoại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Hồ Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đào Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Hồ Thị N; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Đào Văn Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N.

Xử cho chị Hồ Thị N được ly hôn anh Đào Văn Đ.

Về con chung: Do anh Đ hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đào Thị Ngọc A, sinh ngày 14/3/2015 cho chị Hồ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh Đ và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hồ Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Đào Văn Đ, anh Đ hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý theo yêu cầu của chị N Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có công văn hỏi Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp về việc anh Đ xuất cảnh ra nước ngoài. Theo Công văn trả lời số: 22338/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/10/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công

an cung cấp, anh Đ xuất cảnh ngày 28/4/2022, hiện chưa có thông tin nhập. Như vậy, hiện nay anh Đ đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh Đ là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Hồ Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hồ Thị N.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông Đ là bố đẻ của anh Đ, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh Đ trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ thông qua ông Đ và đề nghị ông Đ thông báo cho anh Đ biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Hồ Thị N và bị đơn là anh Đào Văn Đ. Ông Đ cho biết anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh Đ không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Singapore. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Đào Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đào Văn Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị N với anh Đào Văn Đ. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh Đ chung sống với nhau hòa thuận. Tuy nhiên sau khi sinh con khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị N chuyển về nhà bố đẻ sinh sống. Tháng 4/2022 chị N về sinh sống với mong muốn nói chuyện cùng anh Đ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, tháng 4/2022 anh Đ cũng đi lao động tại Singapore. Chị N xác định kể từ tháng 01/2015 vợ chồng không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Ông Đ là bố đẻ anh Đ cũng xác định vợ chồng chị N, anh Đ có mâu thuẫn ông có hòa giải để vợ chồng cùng nuôi con nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh Đ, chị N không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị Hồ Thị N được ly hôn anh Đào Văn Đ.

[5]. Về nuôi con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Đào Thị Ngọc A, sinh ngày 14/3/2015. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị N và do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh Đ đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi anh Đ đi lao động nước ngoài cháu Anh vẫn do chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, cháu Anh trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên bố mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị N đối với yêu cầu giao con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung.

Sau khi ly hôn anh Đào Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Đào Văn Đ về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị N hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đào Văn Đ đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị N được ly hôn anh Đào Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đào Thị Ngọc A, sinh ngày 14/3/2015 cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đào Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Đào Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000660 ngày 19/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hồ Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hồ Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Đào Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

